

Số: /TTYT-KD

Thuận An, ngày 06 tháng 8 năm 2025

V/v yêu cầu báo giá danh mục  
Vị thuốc YHCT.

Kính gửi: Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế khu vực Đắc Mil đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua Vị thuốc Y học cổ truyền sử dụng cho năm 2025-2026, với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu:**

- Đơn vị: Trung tâm Y tế khu vực Đắc Mil.
- Thông tin liên hệ: Ds Lê Vĩnh Phúc, Khoa Dược - TTB - VTYT; số điện thoại: 0905876696; email: [khoaduocdakmil@gmail.com](mailto:khoaduocdakmil@gmail.com).
- Cách thức tiếp nhận:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - TTB - VTYT, Trung tâm Y tế khu vực Đắc Mil, thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng.
  - Nhận qua email: [khoaduocdakmil@gmail.com](mailto:khoaduocdakmil@gmail.com)
- Thời hạn tiếp nhận: Từ 07h30' ngày 06/8/2025 đến trước 17h00' ngày 22/8/2025.

Các hồ sơ nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn hiệu lực của hồ sơ: Tối thiểu 120 ngày.

**II. Nội dung yêu cầu:**

- Danh mục yêu cầu báo giá theo Phụ lục 1. Bảng báo giá của nhà thầu theo Phụ lục 2 kèm theo.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Khoa Dược - TTB - VTYT.
- Thời gian giao hàng dự kiến: từ 3-7 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu cung cấp hàng hoá của chủ đầu tư.

Rất mong nhận được sự quan tâm từ quý đơn vị./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Ban giám đốc TTYT;
- HĐT&ĐT;
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT, TGV (L.V.Phúc).

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đăng Trung**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC VỊ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN 2025 - 2026**

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /TTYT-KD ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk Mil)

Stt	Mã	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học của vị thuốc	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	VTCT001	Ba kích	<i>Radix Morindae officinalis</i>		Rễ	Chích rượu/Chích muối/Chích cam thảo	Nhóm 2	Kg	400	
2	VTCT002	Bạch chi	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>		Rễ củ	Thái phiến	Nhóm 2	Kg	500	
3	VTCT003	Bạch linh (Phục linh)	<i>Poria</i>		Thẻ quả nấm	Thái phiến	Nhóm 2	Kg	500	
4	VTCT004	Bạch mao căn (Rễ cỏ tranh)	<i>Rhizoma Imperatea cylindrica</i>		Thân rễ	Thái phiến	Nhóm 2	Kg	10	
5	VTCT005	Bạch thược (Thược dược)	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>		Rễ	Thái phiến hoặc sao vàng hoặc chích rượu	Nhóm 2	Kg	550	
6	VTCT006	Bạch truyệt	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae Praeparata</i>		Thân rễ	Thái phiến/ Chích rượu/ Sao cam mật ong	Nhóm 2	Kg	550	
7	VTCT007	Bồ công anh	<i>Herba lactucaae indicae</i>		Toàn cây	Sơ chế	Nhóm 2	Kg	10	
8	VTCT008	Cam thảo	<i>Radix Glycyrrhizae</i>		Rễ	Chích mật/thái phiến		Kg	550	
9	VTCT009	Can khương	<i>Rhizoma Zingiberis</i>		Thân rễ	Thái phiến/ Sao vàng		Kg	50	
10	VTCT010	Cát căn	<i>Radix Puerariae thomsonii</i>		Rễ củ	Thái phiến, phơi/ sấy khô hoặc sao vàng		Kg	250	
11	VTCT011	Cát cánh	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>		Rễ	Thái phiến, phơi/ sấy khô hoặc chích mật		Kg	250	
12	VTCT012	Câu đàng	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>		Thân, cành có móc câu	Sơ chế		Kg	250	
13	VTCT013	Câu kỷ tử	<i>Fructus Lycii</i>		Quả	Sơ chế		Kg	550	
14	VTCT014	Cầu tích	<i>Rhizoma Cibotii</i>		Thân rễ	Sơ chế/Chích rượu/Sao vàng		Kg	450	
15	VTCT015	Chè dây	<i>Folium Ampelopsis</i>		Toàn cây	Sơ chế		Kg	100	
16	VTCT016	Chi thực	<i>Fructus Aurantii immaturus</i>		Quả	Sơ chế/Sao vàng		Kg	100	
17	VTCT017	Chi xác	<i>Fructus Aurantii</i>		Quả	Thái phiến		Kg	60	
18	VTCT018	Cò xước (Ngưu tất nam)	<i>Radix Achyranthis asperae</i>		Rễ	Thái phiến		Kg	550	
19	VTCT019	Cốt toái bỏ	<i>Rhizoma Drynariae</i>		Thân rễ	Chích rượu/ Sao vàng/ Sơ Chế		Kg	550	

Stt	Mã	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học của vị thuốc	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
20	VTCT020	Cúc hoa	<i>Flos Chrysanthemi indicii</i>		Hoa	Sơ chế		Kg	150	
21	VTCT021	Đại táo	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>		Quả	Sơ chế		Kg	650	
22	VTCT022	Dâm dương hoắc	<i>Herba Epimedii</i>		Toàn cây	Sơ chế		Kg	350	
23	VTCT023	Đan sâm	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>		Rễ	Chích rượu/chế rượu/Sơ chế		Kg	300	
24	VTCT024	Đàng sâm	<i>Radix Codonopsis</i>		Rễ	Sơ chế/Chích gừng		Kg	650	
25	VTCT025	Dây đau xương	<i>Caulis Tinosporae tomentosae</i>		Thân	Sơ chế		Kg	550	
26	VTCT026	Diệp hạ châu	<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>		Toàn cây	Sơ chế		Kg	100	
27	VTCT082	Đinh lăng	<i>Radix Polysciacis</i>		Rễ	Sơ chế/ Thái phiến/ Sao vàng		Kg	100	
28	VTCT027	Đỗ trọng	<i>Cortex Eucommiae</i>		Vỏ thân	Sơ chế/ Phức chế		Kg	650	
29	VTCT028	Độc hoạt	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>		Rễ	Thái phiến		Kg	550	
30	VTCT029	Đương quy	<i>Radix Angelicae sinensis</i>		Rễ	Sơ chế/ Phức chế		Kg	650	
31	VTCT030	Hà thủ ô đỏ	<i>Radix Fallopiiae multiflorae</i>		Rễ củ	Chế đậu đen		Kg	550	
32	VTCT031	Hoài sơn (Củ mài)	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>		Rễ củ	Sơ chế/Sao vàng/ Sao cám		Kg	400	
33	VTCT032	Hoàng bá	<i>Cortex Phellodendri</i>		Vỏ thân/ vỏ cành	Sơ chế / Phức chế		Kg	100	
34	VTCT033	Hoàng cầm	<i>Radix Scutellariae</i>		Rễ	Sơ chế/ Thái phiến/Sao vàng/Sao đen/Chích rượu/Chích mật ong		Kg	100	
35	VTCT034	Hoàng kỳ	<i>Radix Astragali membranacei</i>		Rễ	Chích mật		Kg	650	
36	VTCT035	Hương phụ (Củ gấu)	<i>Rhizoma Cyperi</i>		Thân rễ	Phức chế		Kg	100	
37	VTCT036	Huyền sâm	<i>Radix Scrophulariae</i>		Rễ	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	100	
38	VTCT037	Ích mẫu	<i>Herba Leonuri japonici</i>		Toàn cây	Sơ chế		Kg	100	
39	VTCT038	Ích trí nhân	<i>Fructus Alpiniae oxyphyllae</i>		Hạt	Sơ chế		Kg	400	
40	VTCT039	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	<i>Fructus Xanthii strumaris</i>		Quả	Sao cháy		Kg	400	
41	VTCT040	Kê huyết đằng	<i>Caulis Spatholobi</i>		Thân	Thái phiến		Kg	600	

Stt	Mã	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học của vị thuốc	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
42	VTCT041	Khương hoạt	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>		Thân rễ/Rễ	Sơ chế		Kg	450	
43	VTCT042	Kim ngân hoa	<i>Flos Loniceræ</i>		Nụ hoa	Sơ chế		Kg	220	
44	VTCT043	Kim tiền thảo	<i>Herba Desmodii styracifolii</i>		Toàn cây	Sơ chế		Kg	50	
45	VTCT044	Lá lót	<i>Herba Piperis lolot</i>		Cà cây trừ rễ	Sơ chế		Kg	10	
46	VTCT045	Lạc tiên	<i>Herba Passifloræ</i>		Toàn cây	Sơ chế		Kg	300	
47	VTCT046	Liên kiều	<i>Fructus Forsythiæ</i>		Quả	Sơ chế		Kg	100	
48	VTCT047	Liên nhục	<i>Semen Nelumbinis</i>		Hạt	Sơ chế/ Sao vàng		Kg	550	
49	VTCT048	Liên tâm (Tâm sen)	<i>Embryo Nelumbinis nuciferae</i>		Cây mầm từ hạt cây sen	Sơ chế/ Sao qua		Kg	100	
50	VTCT049	Long nhãn	<i>Arillus Longan</i>		Áo hạt	Sơ chế		Kg	350	
51	VTCT050	Mạch môn	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>		Rễ củ	Sơ chế		Kg	50	
52	VTCT051	Mạn kinh tử	<i>Fructus Viticis</i>		Quả	Sơ chế/ Sao vàng		Kg	50	
53	VTCT052	Mẫu đơn bì	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>		Vỏ rễ	Sơ chế/Sao vàng/chích rượu		Kg	100	
54	VTCT053	Mộc hương	<i>Radix Saussureae lappae</i>		Rễ	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	50	
55	VTCT054	Ngũ vị tử	<i>Fructus Schisandrae</i>		Quả	Chế giấm/Tẩm giấm		Kg	50	
56	VTCT055	Ngưu tất	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>		Rễ	Chích rượu		Kg	300	
57	VTCT056	Nhân trần	<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>		Toàn cây	Sơ chế		Kg	120	
58	VTCT057	Nhục thung dung	<i>Herba Cistanches</i>		Toàn cây	Thái phiến/Chung rượu		Kg	200	
59	VTCT058	Phòng phong	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>		Rễ	Sơ chế/thái phiến/Phơi khô		Kg	550	
60	VTCT059	Quế chi	<i>Ramulus Cinnamomi</i>		Cành	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	320	
61	VTCT060	Quế nhục	<i>Cortex Cinnamomi</i>		Vỏ thân/ Vỏ cành	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	100	
62	VTCT061	Sài hồ	<i>Radix Bupleuri</i>		Rễ	Sơ chế/ Chích giấm		Kg	200	
63	VTCT062	Sinh địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>		Rễ củ	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	50	
64	VTCT063	Sơn thù	<i>Fructus Corni officinalis</i>		Quả	Chung/ Chế/ Tẩm/ Chích rượu		Kg	200	
65	VTCT064	Sơn tra	<i>Fructus Mali</i>		Quả	Sơ chế/ Sao qua		Kg	150	

Stt	Mã	Tên vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học của vị thuốc	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
66	VTCT065	Tam thất	<i>Radix Panasis notoginseng</i>		Rễ củ	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	50	
67	VTCT066	Tần giao	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>		Rễ	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	400	
68	VTCT067	Tang ký sinh	<i>Herba Loranthe gracilifolii</i>		Toàn cây	Sơ chế		Kg	550	
69	VTCT068	Táo nhân (Hắc táo nhân)	<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>		Hạt	Sao đen		Kg	400	
70	VTCT069	Tế tân	<i>Radix et Rhizoma Asari</i>		Rễ và thân rễ	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	50	
71	VTCT070	Thăng ma	<i>Rhizoma Cimicifugae</i>		Thân rễ	Sơ chế/Thái phiến/Chích rượu		Kg	50	
72	VTCT071	Thảo quyết minh (Hạt muông)	<i>Semen Cassiae torae</i>		Hạt	Sao cháy		Kg	300	
73	VTCT072	Thiên niên kiện	<i>Rhizoma Homalomenae occulta</i>		Thân rễ	Sơ chế/ Thái phiến/ Phức chế		Kg	550	
74	VTCT073	Thỏ phục linh	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>		Thân rễ	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	550	
75	VTCT074	Thương truật	<i>Rhizoma Atractylodis</i>		Thân rễ	Sơ chế/Chế muối/Sao qua/Sao vàng		Kg	350	
76	VTCT075	Trạch tả	<i>Rhizoma Alismatis</i>		Thân rễ	Sơ chế/ Thái phiến		Kg	200	
77	VTCT076	Trần bì	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>		Vỏ quả	Sao vàng		Kg	150	
78	VTCT077	Tri mẫu	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>		Thân rễ	Sơ chế/ Thái phiến/ Chính muối/ Chích rượu		Kg	200	
79	VTCT078	Tục đoạn	<i>Radix Dipsaci</i>		Rễ	Sơ chế/ Thái phiến/ Chính muối/ Chích rượu		Kg	100	
80	VTCT079	Viễn chí	<i>Radix Polygalae</i>		Rễ	Sơ chế/ Sao/ Chích		Kg	350	
81	VTCT080	Xuyên khung	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>		Thân rễ	Sơ chế/ Thái phiến/ Chích rượu		Kg	400	
82	VTCT081	Ý dĩ						Kg	350	
		<b>Cộng: 82 khoản.</b>								

Ulu

Đơn vị: .....



Phụ lục 2

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Đắk Mil.

TT	Mã	Tên vị thuốc YHCT	Tên khoa học	Tiêu chuẩn chất lượng	Bộ phận dùng	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Số ĐKLH/ Giấy phép NK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
		Cộng: ...khoản.															

...., ngày tháng năm 2025  
Đại diện hợp pháp của nhà thầu

*Uolol*